TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT
Ngày 31/01/2018
V/v: Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Ninh và Ông Ngô Xuân Hải

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh:* Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2017/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về "*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/ HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Yên Phong bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2018 /QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị H sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Ngô Bá Đ sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Ngô Thị M, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

2. Anh Ngô Bá H6, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

3. Anh Dương Thọ Q, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

4. Chị Dương Thị Y, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

5. Chị Ngô Thị H1, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

7. Chị Ngô Thị H3, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

8. Anh Dương Hồng P, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

9. Anh Đào Khắc L, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Đại chỉ: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. (*Tất cả đều ủy quyền cho chị Ngô Thị M tham gia tố tụng. Chị Ngô Thị M có đơn xin xử vắng mặt*).

10. Ngân hàng A.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị L - Phó giám đốc.

(Có đơn xin xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Chị Lê Thị H

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2016 (BL:13) và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đ tháng 9/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh Đ làm đơn xin ly hôn chị.

Tại Quyết định số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa anh Ngô Bá Đ và chị Lê Thị H.

Về con chung: Giao cho chị H nuôi con chung là cháu Ngô Thị Như Q sinh ngày 26/3/2009. Anh Đ nuôi cháu Ngô Bá Bảo C sinh ngày 28/10/2012.

Về tài sản chung, công nợ không yêu cầu giải quyết.

Chị xác định tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn xây năm 2014 trên diện tích 121đất m^2 tại thửa đất số 119b, lô 3 thôn L - D - Y - Bắc Ninh đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc là đất nông nghiệp của ông Ngô Đức H4 và bà Ngô Thị T được BQL HTX thôn L cấp sau đó ông H4 bà T bán cho chị Nguyễn Thị M sinh năm 1988, ở Ấp - Y - Y - Bắc Ninh, ngày 14/1/2014 chị M bán lại cho vợ chồng anh chị với giá 280.000.000đ.

- 01 xe ô tô Matis BKS 99A

Về công nợ: Chị xác định chị và anh Đ không nợ ai, không cho ai vay.

Nay chị đề nghị chia đôi số tài sản trên.

Về yêu cầu của anh Đ xin thay đổi nuôi con chị H trình bày: Chị đề nghị vẫn giữ nguyên theo quyết định thỏa thuận giữa chị và anh Đ. Vì anh Đ đã có nhà đất, chị chưa có nhà mà vẫn phải đi ở nhờ nhà mẹ đẻ. Lương giáo viên của chị thấp nên không có khả năng mua nhà đất nên không thể lo được cuộc sống cho cháu C sau này. Mặt khác, cháu C là là con trai nên phải ở với bố, anh Đ làm nghề tự do, có nhiều thời gian để chăm sóc cho cháu C.

Phía bị đơn anh Ngô Bá Đ trình bày:

Anh xác nhận lời khai của chị H vềviệc kết hôn và ly hôn là đúng.

Nay chị H yêu cầu chia tài sản chung quan điểm của anh như sau: Sau khi kết hôn chị H làm giáo viên ở trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Y, lương từ 2-3triệu /tháng, anh làm công nhân tại Công ty 6 sau đó nghỉ việc về nhà lái taxi. Lương chị H không đủ ăn và nuôi con, phẫu thuật cho con nên anh phải đưa thêm tiền cho chị H.

Do vợ chồng không có chỗ ở nên tháng 01/2014 anh chị có mua 121m^2 đất của chị Nguyễn Thị M với giá 280.000.000đ, đây là đất ruộng của ông H4, bà T ở thôn L, D, Y bán cho chị M. Trong năm 2014 vợ chồng anh chị làm một ngôi nhà cấp 4 lợp tôn và công trình phụ trên đất.

Tháng 5/2014 anh có mua một chiếc xe ô tô Matis BKS 99A để chạy với giá 110 triệu đồng, sau đó sửa chữa hết 30 triệu. Tổng số là 140 triệu. Toàn bộ số tiền này phải vay của mẹ đẻ chị H và bác chị H.

Toàn bộ tiền mua đất, xây nhà, mua xe đều do anh tự đi vay và tự trả, chị H không đi vay, không trả cũng không đóng góp đồng nào.

Nay, chị H yêu cầu chia tài sản chung thì anh không đồng ý vì chị H không đóng góp gì, toàn bộ tài sản là do anh vay mượn mà có.

- Về công nợ: Vợ chồng nợ anh Ngô Bá H6 160.000.000đ; chị Dương Thị Y 05 chỉ vàng; anh Dương Thọ Q 05 chỉ vàng; chị Ngô Thị H1 05 chỉ vàng; Nợ chị Nguyễn Thị H2 05 chỉ vàng; chị Ngô Thị H3 80.000.000đ để mua đất, làm nhà năm 2014. Nợ anh Dương Hồng P 24.000.000đ tiền công thợ; anh Đào Khắc L 24.000.000đ tiền công thợ; nợ Ngân hàng 84.000.000đ.

Khi vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu anh phải trả mẹ đẻ chị 130.000.000đ thì chị mới đồng ý ly hôn. Anh phải vay chị M 130.000.000đ để trả cho mẹ chị H là bà Trần Thị Ch. Hiện nay anh vẫn nợ chị M số tiền 130.000.000đ

Nay chị H yêu cầu chia tài sản chung thì anh đề nghị chị H phải có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

Tại đơn đề nghị ngày 31/7/2017 (BL: 167) anh Đ đề nghị xin thay đổi nuôi con: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị H thì chị H nuôi dưỡng cháu Q, còn anh nuôi dưỡng cháu C.

Từ khi ly hôn đến nay cháu Q vẫn sống với anh, cháu C sống với chị H. Thỉnh thoảng chị H có đến thăm và đón cháu Q về chơi. Nay anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Q, để chị H nuôi dưỡng cháu C. Anh không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Ngân hàng A trình bày:

Ngày 25/5/2015, Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng cho anh Đ, chị H vay số tiền 150.000.000đ, mục đích để mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10%/năm. Hạn trả nợ 6 tháng trả gốc 1 lần, lãi trả 3 tháng/lần.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, cùng ngày 25/5/2015 Ngân hàng có ký hợp đồng thế chấp với anh Đ, chị H quyền sử dụng thửa đất số 285, tờ bản đồ số 29, diện tích 196m^2 tại thôn L, xã D, Y tại Văn phòng công chứng. Đất được UBND huyện Yên Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ ngày 17/11/2014. Tính đến nay anh Đ, chị H còn nợ Ngân hàng số tiền 84.000.000đ

Nay anh Đ, chị H chia tài sản chung, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh Đ, chị H cùng phải có trách nhiệm trả số tiền trên. Để tiện giao dịch Ngân hàng đề nghị giao cho anh Đ trả khoản tiền này.

Anh Ngô Bá H6 trình bày: Anh là anh trai anh Đ. Năm 2014, anh có cho anh Đ, chị H vay số tiền 160.000.000đ để anh Đ mua đất, làm nhà. Anh đưa tiền cho anh Đ, còn chị H đi vắng. Vì là anh em nên không viết giấy tờ. nay anh đề nghị cả anh Đ, chị H phải có trách nhiệm trả số nợ trên.

Chị Dương Thị Y trình bày: Chị là dì ruột anh Đ. Năm 2014, chị có cho anh Đ, chị H vay 05 chỉ vàng 9999 để mua đất, làm nhà. Chị đưa số vàng trên cho

anh Đ, chị H có biết việc này vì lúc đó vợ chồng vẫn đang sống chung. Vì là dì cháu nên không viết giấy tờ. Nay chị yêu cầu cả hai anh chị có trách nhiệm trả chị số nợ trên.

Anh Dương Thọ Q trình bày: Anh là cậu ruột anh Đ. Năm 2014, anh có cho anh Đ vay 05 chỉ vàng 9999 để mua ô tô. Anh đưa số vàng trên cho anh Đ. Vì là họ hàng nên không viết giấy tờ. Nay anh yêu cầu cả hai anh chị có trách nhiệm trả anh số nợ trên.

Chị Ngô Thị H1 trình bày: Chị là chị gái anh Đ. Năm 2014, chị có cho anh Đ vay 05 chỉ vàng 9999 để mua đất, làm nhà. Chị đưa số vàng trên cho anh Đ. Vì là chị em ruột nên không viết giấy tờ. Chị đã đòi nhiều lần nhưng anh Đ, chị H vẫn chưa trả. Nay chị yêu cầu cả hai anh chị có trách nhiệm trả chị số nợ trên.

Chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Chị là cháu gọi anh Đ là cậu. Năm 2014, chị có cho anh Đ vay 05 chỉ vàng 9999 để mua đất, làm nhà. Anh Đ lên nhà mẹ chị lấy vàng vì chị gửi mẹ chị giữ hộ. Vì là người nhà nên không viết giấy tờ. Nay chị yêu cầu cả hai anh chị có trách nhiệm trả chị số nợ trên.

Chị Ngô Thị H3 trình bày: Chị là em gái anh Đ. Năm 2013, chị có cho anh Đ, chị H vay 80.000.000đ để mua nhà đất. Chị đưa tiền trên cho anh Đ, còn chị H lúc này đang ở nhà mẹ đẻ. Vì là anh em ruột nên không viết giấy tờ. Chị đã đòi nhiều lần nhưng anh Đ, chị H vẫn chưa trả. Nay chị yêu cầu cả hai anh chị có trách nhiệm trả chị số nợ trên.

Anh Dương Hồng P trình bày: Khoảng năm 2013-2014, anh có cho anh Đ, chị H vay số tiền 24.000.000đ. Năm 2014, anh làm nhà cho anh Đ hết 20.000.000đ tiền công, tổng cộng là 44.000.000đ. Khi cho vay chỉ đưa tay, không viết giấy tờ. Chị H có biết việc này vì anh chị vừa vay tiền anh để làm nhà, anh lại xây nhà cho anh chị. Sau đó anh Đ đã trả cho anh được 20.000.000đ. Nay anh yêu cầu cả hai anh chị cùng có trách nhiệm trả anh số tiền còn nợ là 24.000.000đ.

Anh Đào Khắc L trình bày: Năm 2014, anh Đ, chị H làm nhà. Anh có làm cửa, mái tôn, hàng rào, chân téc nước, tổng cộng hết 30.000.000đ. Anh Đ đã trả cho anh được 6.000.000đ, còn nợ 24.000.000đ. Nay anh yêu cầu cả hai anh chị cùng có trách nhiệm trả anh số nợ trên.

Chị Ngô Thị M trình bày: Chị là chị gái anh Đ. Ngày 30/8/2016, chị có cho anh Đ vay số tiền 130.000.000đ để anh Đ trả nợ cho mẹ đẻ chị H, vì lúc đó anh Đ, chị H đang giải quyết ly hôn. Vì là chị em ruột nên chỉ đưa tay không viết giấy tờ. Anh Đ vẫn chưa trả cho chị đồng nào. Nay chị yêu cầu cả anh Đ, chị H cùng phải có trách nhiệm trả cho chị số nợ trên.

Từ nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 81, 82, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 235, 264, 266, 147, 164 BLTTDS, Pháp lệnh 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 xử:

1. Về con chung: Giao cho anh Ngô Bá Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Như Q sinh ngày 26/3/2009. Giao cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngô Bá Bảo C sinh ngày 28/10/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

2. Về tài sản chung: Tạm giao cho anh Đ được sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ 12 và thửa 136 tờ bản đồ 12 diện tích 134,1m^2, phía B giáp nhà anh V, phía Nam giáp nhà bà C, phía Đ giáp ruộng lúa, phía Tây giáp đường liên thôn tại xứ Đồng kho A thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và được sở hữu ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, diện tích 107m^2 trên đất, được sở hữu 01 chiếc xe ô tô Matis BKS 99A, tổng giá trị tài sản là 344. 473.000đ. Anh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng A số tiền 84.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 25/5/2015. Trả nợ chị Ngô Thị M 130.000.000đ, anh Dương Hồng P 24.000.000đ, anh Đào Khắc L 24.000.000đ, trích trả chênh lệch tài sản cho chị H là 25.600.000đ.

Anh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Ngô Bá H 160.000.000đ, chị Ngô Thị H2 80.000.000đ, anh Dương Thọ Q, chị Dương Thị Y, chị Ngô Thị H2và chị Ngô Thị H3 mỗi người 5 chỉ vàng 9999 tương đương 18.000.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2017 chị Lê Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm về phần công nợ buộc chị phải trả khoản nợ Ngân hàng A, trả nợ chị M, anh P, anh L. Không nhất trí phần bản án về việc giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Q đề nghị giữ nguyên theo quyết định anh chị đã thỏa thuận.

Ngày 13/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh có quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm. Đề nghị hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữ nguyên quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-DS ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau giải quyết vụ án.

Các đương sự trình bày:

- Ý kiến nguyên đơn (chị H)**:** Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giữ nguyên như quyết định thỏa thuận ly hôn. Chị nuôi con gái là cháu Ngô Thị Như Q và anh Đ nuôi con trai là cháu Ngô Bá Bảo C; Về tài sản: Chị đề nghị chia đôi tài sản chung của vợ chồng; Đề nghị giải quyết thửa đất số 285, tờ bản đồ số 29, diện tích 196m^2 là tài sản chung của vợ chồng; Về công nợ: Chị không đồng ý việc xác định nợ là khoản tiền vay Ngân hàng và không nhất trí trả tiền chị M; anh P; anh L.

- Ý kiến bị đơn (anh Đ): Anh không nhất trí ý kiến của chị H, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị H đề nghị giữ nguyên việc nuôi con chung theo quyết định công nhận sự thỏa thuận là không có căn cứ chấp nhận; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị 04/QĐKNPT-DS ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: hủy một phần bản án sơ thẩm số: 29/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong về phần chia tài sản chung của vợ chồng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Phong giải quyết lại phần bản án bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp chia tài sản sau ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét kháng cáo của chị Lê Thị H cho rằng không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc giải quyết công nợ thấy.

Đối với nội dung kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung thấy: Ngày 08/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong có quyết định số 79/2016/QĐST-HNGĐ về việc: Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa anh Ngô Bá Đ và chị Lê Thị H. Tại quyết định: Giao cho chị H nuôi con chung là cháu Ngô Thị Như Q sinh ngày 26/3/2009. Anh Đ nuôi cháu Ngô Bá Bảo C sinh ngày 28/10/2012. Tuy nhiên, theo lời khai của chị H (BL:176) từ khi ly hôn đến nay anh Đ nuôi dưỡng cháu Q và cháu Q đang học tại Trường tiểu học từ lớp 1 đến nay, còn cháu C sống với chị. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu và phù hợp với thực tế, bản án sơ thẩm quyết định giao cháu Q cho anh Đ nuôi dưỡng và chị H nuôi dưỡng cháu C là phù hợp nên không thể chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H được.

Về yêu cầu kháng cáo không nhất trí với việc giải quyết công nợ của anh Đ, chị H, xét thấy:

Đối với khoản nợ anh Dương Hồng P 24.000.000đ và anh Đào Khắc L 24.000.000đ xét thấy: Theo lời khai của anh L (BL:104), anh P (BL: 105) thì khoảng năm 2014 giữa anh L, anh P có làm công thợ cho anh Đ, chị H và anh Đ, H còn nợ anh P số tiền 24.000.000đ, anh L số tiền 24.000.000đ. Việc thuê gia công làm nhà cho anh Đ, chị H từ thời điểm năm 2014 không có hóa đơn chứng từ, hợp đồng hay biên bản chốt công nợ. Bản án sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của anh P, anh L và việc thừa nhận của anh Đ để xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Đối với khoản nợ chị M 130.000.000đ: Tại biên bản lấy lời khai chị M trình bày: Ngày 30/8/2016, chị cho anh Đ vay 130.000.000đ mục đích để trả mẹ chị H. Khi vay không làm giấy tờ gì. Yêu cầu anh Đ, chị H phải trả chị số tiền

130.000.000đ (BL:102). Bản án sơ thẩm nhận định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh Đ là không đúng bởi lẽ: Thời điểm vay chị M thì vợ chồng anh Đ đang làm thủ tục ly hôn và chị H không thừa nhận khoản nợ này.

Đối với khoản nợ bà C anh Đ đã trả bà C theo giấy biên nhận anh Đ trả bà C số tiền 130.000.000đ ngày 01/9/2016 (BL: 143). Cấp sơ thẩm lẽ ra phải xem xét khoản tiền anh Đ trả là tài sản chung của anh Đ, chị H hay tài sản riêng của anh Đ. Nếu là tài sản riêng của anh Đ thì chị H3 phải có nghĩa vụ hoàn trả anh Đ 65.000.000đ vì đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh Đ, chị H trong thời kỳ hôn nhân mà chị H cũng thừa nhận (BL:132).

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thấy:

3.1. Về thửa đất 285, tờ bản đồ 29, diện tích 196m2 đứng tên anh Ngô Bá Đ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 17/11/2014.

Tại biên bản lấy lời khai (BL:22) chị H khai đây là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị chia đối với thửa đất này. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không làm rõ xem chị H có yêu cầu giải quyết hay không yêu cầu giải quyết đối với thửa đất này không triệt để bởi lẽ:

Ngày 25/5/2015, anh Đ và chị H vay số tiền 150.000.000đ của Ngân hàng, chị H cùng ký hợp đồng thế chấp đối với thửa đất trên để đảm bảo cho khoản vay (BL:39-55). Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân cả anh Đ và chị H cùng ký để vay. Tuy nhiên, khi vay có thế chấp thửa đất số 285, tờ bản đồ số 29, diện tích 196 m^2 đứng tên anh Đ cấp sơ thẩm không xem xét đối với thửa đất này là bỏ lọt tài sản và chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

3.2. Về thửa đất nông nghiệp anh Đ, chị H mua của chị M diện tích 121m^2.

Ngày 14/01/2014, chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Bá Đ có lập hợp đồng dân sự cam kết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở đối với thửa 119B (Lô 03) diện tích 121m^2 trên đó có diện tích nhà ở 50m^2 có tứ cận:

Phía Đông giáp nhà ông Ng H5 4,5m

Phía Tây giáp mương C 4,5m

Phía Bắc giáp nhà anh Đào Duy V 27m

Phía Nam giáp nhà bà Đào Thị C 27m

Giá chuyển nhượng là 280.000.000đ (BL: 7-10)

Ngày 11/4/2014 giữa ông Ngô Đức H với bà Ngô Thị T với anh Ngô Bá Đ và chị Lê Thị H lập đơn xin chuyển ruộng đất gửi Ban quản lý thôn L về việc chuyển nhượng thửa 119B, phía Đông 4,5m, Phía Tây 4,5m, Phía Bắc và phía Nam 27m, diện tích 121m^2 có xác nhận của Ban quản lý thôn L (BL: 11). Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên chưa làm thủ tục theo đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thu thập tài liệu, căn cứ để xác định ông H, bà T và chị M có yêu cầu hay không đối với diện tích đất 121m^2 đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ, chị H. Trên cơ sở đó để có căn cứ xác định tư cách tham gia tố tụng của họ trong vụ án là chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Mặt khác, bản án quyết định tạm giao cho anh Đ được sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ 12 và thửa 136 tờ bản đồ 12 diện tích 134,1m^2 là không phù hợp vì: Theo bản đồ địa chính được đo đạc năm 2003, thửa đất trên được ghép bởi hai thửa 135 tờ bản đồ 12 diện tích 349m^2 và thửa 136 tờ bản đồ 12 diện tích 1.442m^2 xứ đồng kho A thôn L (BL: 135, 159).

Từ những nhận định trên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh là có căn cứ cần chấp nhận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm có một số lỗi về tố tụng và nội dung:

Về thủ tục đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Thẩm phán chỉ lấy lời khai của các đương sự mà không hướng dẫn các đương sự làm các thủ tục theo quy định tại Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự và không thụ lý bổ sung đối với các yêu cầu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là không đúng trình tự tố tụng quy định.

Về tống đạt văn bản tố tụng: Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử ngày 10/3/2017 Tòa án không tống đạt cho các đương sự.

Về giá vàng: Cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh giá vàng tại thời điểm xét xử là bao nhiêu và không nhận định giá vàng mà trong quyết định tuyên trả 05 chỉ vàng tương đương 18.000.000đ là không chính xác.

Về yêu cầu của anh H6: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2017 (BL:72) anh H6 yêu cầu anh Đ, chị H trả số tiền 160.000.000đ và lãi suất theo quy định nhưng quá trình giải quyết cấp sơ thẩm không xem xét đối với yêu cầu tính lãi suất ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H6.

Về áp dụng pháp luật: Bản án sơ thẩm khi giải quyết các tranh chấp về vay tài sản không áp dụng các quy định về tranh chấp hợp đồng vay tài sản hay kiện đòi tài sản của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về phí, lệ phí.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng và chưa xác minh rõ nội dung vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung của vợ chồng. Giao cho Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, khoản 1, 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về phí, lệ phí; tuyên xử:

Không chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị H; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 04/QĐKNPT-DS ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về con chung: Giao cho anh Ngô Bá Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngô Thị Như Q sinh ngày 26/3/2009. Giao cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngô Bá Bảo C sinh ngày 28/10/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 29/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong về phần chia tài sản chung của vợ chồng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Phong giải quyết lại phần bản án bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: anh Ngô Bá Đ phải chịu 300.000đ án phí xin thay đổi nuôi con. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003501 ngày 31/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Chị Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị Lê Thị H 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp tại biên lai thu số 0003544 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và các chi phí tố tụng khác được xác định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng